

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12C01

STT	Mã số	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Lớp cũ	Ghi chú
1	12C01.01	Lê Nguyễn Thiên Ân	20/03/2005	Nữ	11B09.01	
2	12C01.02	Nguyễn Hoàng Ân	01/01/2005	Nam	11B10.01	
3	12C01.03	Cù Thảo Anh	03/11/2005	Nữ	11B13.01	
4	12C01.04	Lưu Thị Vân Anh	17/05/2005	Nữ	11B04.45	
5	12C01.05	Ngô Thị Lan Anh	28/09/2005	Nữ	11B10.02	
6	12C01.06	Phạm Thế Anh	09/03/2005	Nam	11B09.04	
7	12C01.07	Phạm Nhật Ánh	10/06/2005	Nam	11B01.05	
8	12C01.08	Vương Thị Ngọc Ánh	04/03/2005	Nữ	11B09.05	
9	12C01.09	Nguyễn Huỳnh Bảo Châu	24/07/2005	Nữ	11B01.09	
10	12C01.10	Đặng Hương Giang	23/10/2005	Nữ	11B04.07	
11	12C01.11	Nguyễn Lê Cẩm Giang	17/07/2005	Nữ	11B05.09	
12	12C01.12	Nguyễn Khải Hân	10/10/2005	Nữ	11B07.12	
13	12C01.13	Nguyễn Thị Ngọc Hân	09/09/2005	Nữ	11B08.10	
14	12C01.14	Trịnh Minh Hoàng	07/03/2005	Nam	11B15.13	
15	12C01.15	Bùi Thị Diệu Hương	22/06/2005	Nữ	11B10.12	
16	12C01.16	Trần Văn Gia Huy	29/09/2005	Nam	11B04.12	
17	12C01.17	Hoàng Minh Huyền	22/05/2005	Nữ	11B07.17	
18	12C01.18	Lê Thị Thanh Huyền	06/07/2005	Nữ	11B10.14	
19	12C01.19	Trịnh Nguyễn Đăng Khoa	14/11/2005	Nam	11B13.15	
20	12C01.20	Vũ Nguyễn Minh Khôi	15/03/2005	Nam	11B03.16	
21	12C01.21	Cao Trần Hoàng Lâm	25/06/2005	Nam	11B15.17	
22	12C01.22	Bùi Ngọc Phương Linh	04/12/2005	Nữ	11B09.18	
23	12C01.23	Lê Huyền Khánh Linh	29/09/2005	Nữ	11B13.17	
24	12C01.24	Lê Võ Hoàng Ngọc Linh	10/10/2005	Nữ	11B04.16	
25	12C01.25	Võ Ngọc Ánh Linh	07/08/2005	Nữ	11B06.18	
26	12C01.26	Nguyễn Khánh Ly	05/03/2005	Nữ	11B06.20	
27	12C01.27	Đặng Thị Ngọc Mai	15/08/2005	Nữ	11B12.21	
28	12C01.28	Nguyễn Khánh Ngọc	28/04/2005	Nữ	11B05.26	
29	12C01.29	Đỗ Trung Nguyên	21/03/2005	Nam	11B04.24	
30	12C01.30	Nguyễn Việt Tấn Phát	18/02/2005	Nam	11B14.28	
31	12C01.31	Trần Nguyễn Nam Phương	24/09/2005	Nữ	11B13.30	
32	12C01.32	Nguyễn Huỳnh Đỗ Quyên	02/08/2005	Nữ	11B14.32	
33	12C01.33	Phạm Nguyễn Xuân Quỳnh	24/11/2005	Nữ	11B07.35	
34	12C01.34	Phan Minh Tâm	20/08/2005	Nam	11B08.34	
35	12C01.35	Võ Quốc Thắng	17/01/2005	Nam	11B15.34	
36	12C01.36	Mai Thị Phương Thảo	15/05/2005	Nữ	11B10.33	
37	12C01.37	Nguyễn Ngọc Diễm Thư	16/02/2005	Nữ	11B10.48	
38	12C01.38	Lê Thanh Thúy	01/04/2005	Nữ	11B14.37	
39	12C01.39	Phạm Thị Thủy Tiên	25/04/2005	Nữ	11B05.37	
40	12C01.40	Trần Võ Cẩm Tiên	02/06/2005	Nữ	11B09.39	
41	12C01.41	Nguyễn Thụy Bích Trâm	01/10/2005	Nữ	11B04.46	
42	12C01.42	Nguyễn Bảo Trọng	27/10/2005	Nam	11B13.41	
43	12C01.43	Nguyễn Thị Thanh Trúc	17/12/2005	Nữ	11B04.39	
44	12C01.44	Vũ Xuân Trường	23/05/2005	Nam	11B09.43	
45	12C01.45	Lê Thúy Vy	06/09/2005	Nữ	11B05.45	
46	12C01.46	Trần Ngọc Lan Vy	13/03/2005	Nữ	11B04.44	
47	12C01.47					
48	12C01.48					
49	12C01.49					
50	12C01.50					

46 Danh sách có: 46 học sinh
Người lập danh sách

32 Nữ Ngày 15 tháng 8 năm 2022
HIỆU TRƯỞNG

Trần Huỳnh Tấn Tài

Lương Văn Định

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12C02

STT	Mã số	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Lớp cũ	Ghi chú
1	12C02.01	Đoàn Kiều Anh	26/01/2005	Nữ	11B04.02	
2	12C02.02	Thái Thụy Vân Anh	09/10/2005	Nữ	11B11.03	
3	12C02.03	Nguyễn Kim Bảo	10/08/2005	Nam	11B07.04	
4	12C02.04	Nguyễn Hoàng Phương Chi	20/06/2005	Nữ	11B03.05	
5	12C02.05	Võ Thị Thùy Dung	17/11/2005	Nữ	11B09.08	
6	12C02.06	Dương Thị Ngọc Duyên	23/07/2005	Nữ	11B12.08	
7	12C02.07	Nguyễn Quốc Đại	31/07/2005	Nam	11B11.09	
8	12C02.08	Nguyễn Quang Đạt	14/03/2005	Nam	11B07.08	
9	12C02.09	Nguyễn Văn Giang	31/01/2005	Nam	11B06.09	
10	12C02.10	Hoàng Thị Thu Hà	17/10/2005	Nữ	11B12.10	
11	12C02.11	Lại Hồ Thanh Hải	30/08/2005	Nam	11B06.48	
12	12C02.12	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	01/08/2005	Nữ	11B12.11	
13	12C02.13	Lâm Thị Kim Hồng	12/09/2005	Nữ	11B05.12	
14	12C02.14	Bùi Anh Huy	10/06/2005	Nam	11B03.14	
15	12C02.15	Kiều Nguyễn Ngọc Huyền	31/08/2005	Nữ	11B08.14	
16	12C02.16	Vũ Quang Lâm	01/05/2005	Nam	11B07.20	
17	12C02.17	Nguyễn Thùy Ái Lê	02/05/2005	Nữ	11B08.17	
18	12C02.18	Đỗ Thị Yến Linh	28/01/2005	Nữ	11B11.17	
19	12C02.19	Nguyễn Diệu Linh	23/02/2005	Nữ	11B14.17	
20	12C02.20	Vương Trúc Linh	20/07/2005	Nữ	11B15.19	
21	12C02.21	Ngô Phùng Thảo Ly	26/02/2005	Nữ	11B05.22	
22	12C02.22	Đặng Hải Quang Minh	12/09/2005	Nam	11B05.23	
23	12C02.23	Bùi Thảo My	20/01/2005	Nữ	11B03.23	
24	12C02.24	Hoàng Mỹ	11/04/2005	Nữ	11B10.22	
25	12C02.25	Nguyễn Ngọc Nghi	17/09/2005	Nữ	11B03.25	
26	12C02.26	Mai Nhật Nguyên	27/01/2005	Nam	11B05.27	
27	12C02.27	Lê Thị Hiếu Nhi	07/08/2005	Nữ	11B07.29	
28	12C02.28	Trần Thị Yến Nhi	01/12/2005	Nữ	11B15.27	
29	12C02.29	Văn Phương Nhi	24/03/2005	Nữ	11B03.28	
30	12C02.30	Đặng Vũ Minh Như	07/10/2005	Nữ	11B07.30	
31	12C02.31	Phạm Nguyễn Quỳnh Như	14/10/2005	Nữ	11B03.29	
32	12C02.32	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	16/05/2005	Nữ	11B06.29	
33	12C02.33	Trần Tú Uyên	03/08/2005	Nữ	11B15.32	
34	12C02.34	Phạm Thị Ánh Quỳnh	21/07/2005	Nữ	11B04.31	
35	12C02.35	Lê Thái Hưng Thịnh	05/11/2005	Nam	11B15.35	
36	12C02.36	Nguyễn Xuân Thư	18/04/2005	Nữ	11B03.39	
37	12C02.37	Phạm Đoàn Minh Thư	01/04/2005	Nữ	11B04.34	
38	12C02.38	Trần Phương Thùy	13/11/2005	Nữ	11B03.40	
39	12C02.39	Đỗ Thị Cẩm Tiên	03/01/2005	Nữ	11B08.38	
40	12C02.40	Lại Ngọc Bảo Trân	26/06/2005	Nữ	11B03.41	
41	12C02.41	Nguyễn Thị Thuý Trang	01/06/2005	Nữ	11B11.41	
42	12C02.42	Cáp Thị Ngọc Trinh	13/06/2005	Nữ	11B11.42	
43	12C02.43	Đỗ Gia Uyên	14/04/2005	Nữ	11B15.43	
44	12C02.44	Huỳnh Thị Phương Uyên	24/10/2005	Nữ	11B03.44	
45	12C02.45	Trần Thị Cẩm Vân	27/01/2005	Nữ	11B08.45	
46	12C02.46	Phan Nguyễn Khánh Vy	25/08/2005	Nữ	11B13.45	
47	12C02.47	Trần Thị Khánh Vy	27/12/2005	Nữ	11B05.46	
48	12C02.48					
49	12C02.49					
50	12C02.50					

47 Danh sách có: 47 học sinh
Người lập danh sách

37 Nữ Ngày 15 tháng 8 năm 2022
HIỆU TRƯỞNG

Trần Huỳnh Tấn Tài

Lương Văn Định

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12C03

STT	Mã số	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Lớp cũ	Ghi chú
1	12C03.01	Nguyễn Thanh An	04/01/2004	Nữ	11B14.01	
2	12C03.02	Hà Khánh Anh	07/09/2005	Nữ	11B15.46	
3	12C03.03	Nguyễn Thị Vân Anh	22/12/2005	Nữ	11B05.03	
4	12C03.04	Tăng Thế Anh	03/06/2005	Nam	11B10.03	
5	12C03.05	Mai Hồng Ánh	03/04/2005	Nữ	11B14.04	
6	12C03.06	Phùng Huỳnh Thiên Bảo	08/09/2005	Nam	11B09.06	
7	12C03.07	Lê Kim Hồng Châu	28/11/2003	Nữ	11B10.05	
8	12C03.08	Nguyễn Thị Liễu Chi	06/05/2005	Nữ	11B06.05	
9	12C03.09	Nguyễn Huỳnh Nhứt Chiêu	12/08/2005	Nam	11B09.07	
10	12C03.10	Lê Trường Danh	27/08/2005	Nam	11B15.06	
11	12C03.11	Đặng Âu Thuỳ Dung	28/11/2005	Nữ	11B08.06	
12	12C03.12	Lâm Quốc Đạt	02/06/2005	Nam	11B05.07	
13	12C03.13	Bùi Ngọc Bảo Hân	26/02/2005	Nữ	11B03.10	
14	12C03.14	Nguyễn Thị Thu Hiền	03/09/2005	Nữ	11B04.09	
15	12C03.15	Nguyễn Minh Hiếu	08/06/2005	Nam	11B08.11	
16	12C03.16	Huỳnh Quốc Hưng	09/04/2005	Nam	11B09.14	
17	12C03.17	Lương Quốc Huy	20/05/2005	Nam	11B05.14	
18	12C03.18	Nguyễn Duy Minh Khuê	02/04/2005	Nam	11B04.14	
19	12C03.19	Nguyễn Thùy Phương Lan	25/08/2005	Nữ	11B06.16	
20	12C03.20	Hoàng Diệu Linh	13/07/2005	Nữ	11B03.18	
21	12C03.21	Nguyễn Vũ Khánh Linh	21/09/2005	Nữ	11B10.18	
22	12C03.22	Nguyễn Chí Bảo Long	12/12/2005	Nam	11B10.19	
23	12C03.23	Lê Sỹ Bình Minh	08/03/2005	Nam	11B08.21	
24	12C03.24	Nguyễn Thị Trà My	28/05/2005	Nữ	11B08.22	
25	12C03.25	Trần Mai Trà My	01/06/2005	Nữ	11B09.23	
26	12C03.26	Vũ Duy Nam	26/09/2005	Nam	11B04.22	
27	12C03.27	Nguyễn Thị Thu Ngân	24/04/2005	Nữ	11B12.23	
28	12C03.28	Hồ Thị Bảo Ngọc	27/08/2005	Nữ	11B10.25	
29	12C03.29	Phạm Hồ Kim Ngọc	24/12/2005	Nữ	11B06.25	
30	12C03.30	Mohamed Thanh Nhân	04/08/2005	Nam	11B12.26	
31	12C03.31	Lâm Quỳnh Như	10/04/2005	Nữ	11B08.27	
32	12C03.32	Phan Thị Như Phước	18/12/2005	Nữ	11B06.31	
33	12C03.33	Bùi Minh Quân	30/10/2005	Nam	11B03.34	
34	12C03.34	Nguyễn Phương Hoàng Quân	25/12/2005	Nam	11B05.31	
35	12C03.35	Trần Văn Sơn	16/01/2005	Nam	11B12.32	
36	12C03.36	Dương Văn Thành	11/10/2005	Nam	11B04.32	
37	12C03.37	Đinh Ngọc Thảo	13/08/2005	Nữ	11B08.35	
38	12C03.38	Nguyễn Thị Ngọc Thơ	19/05/2005	Nữ	11B08.36	
39	12C03.39	Diệp Nguyễn Cẩm Tiên	16/04/2005	Nữ	11B07.41	
40	12C03.40	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	06/11/2005	Nữ	11B10.37	
41	12C03.41	Trần Tiến	13/02/2005	Nam	11B14.39	
42	12C03.42	Lê Bảo Trân	22/11/2005	Nữ	11B04.37	
43	12C03.43	Nguyễn Thị Thùy Trang	08/06/2005	Nữ	11B12.39	
44	12C03.44	Nguyễn Ngọc Cẩm Tú	18/09/2005	Nữ	11B10.41	
45	12C03.45	Vũ Thị Vi	02/12/2005	Nữ	11B11.45	
46	12C03.46	Nguyễn Hằng Anh Vy	10/04/2005	Nữ	11B08.46	
47	12C03.47	Nguyễn Phạm Lan Vy	30/06/2005	Nữ	11B10.45	
48	12C03.48	Huỳnh Ngọc Yến	22/01/2005	Nữ	11B10.47	
49	12C03.49					
50	12C03.50					

48 Danh sách có: 48 học sinh
Người lập danh sách

30 Nữ Ngày 15 tháng 8 năm 2022
HIỆU TRƯỞNG

Trần Huỳnh Tấn Tài

Lương Văn Định

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12C04

STT	Mã số	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Lớp cũ	Ghi chú
1	12C04.01	Nguyễn Phương Quỳnh	An	27/01/2005	Nữ	11B05.01
2	12C04.02	Nguyễn Lê Phương	Anh	30/10/2005	Nữ	11B12.02
3	12C04.03	Trần Kim	Chi	14/11/2005	Nữ	11B07.05
4	12C04.04	Nguyễn Thùy	Dương	14/02/2005	Nữ	11B07.06
5	12C04.05	Phạm Nguyễn Trúc	Giang	05/06/2005	Nữ	11B07.10
6	12C04.06	Nguyễn Phương	Hà	05/09/2005	Nữ	11B14.09
7	12C04.07	Phạm Ngọc	Hoan	17/02/2005	Nam	11B12.12
8	12C04.08	Nguyễn Khánh	Hung	14/05/2005	Nam	11B10.11
9	12C04.09	Phạm Gia	Huy	19/02/2005	Nam	11B12.14
10	12C04.10	Phạm Hoàng Gia	Khang	27/07/2005	Nam	11B06.14
11	12C04.11	Phan Tuấn	Kiệt	30/07/2005	Nam	11B11.16
12	12C04.12	Lê Trần Yến	Linh	11/10/2005	Nữ	11B03.19
13	12C04.13	Trần Thị Diệu	Linh	20/04/2005	Nữ	11B12.19
14	12C04.14	Nguyễn Trần Khánh	Ly	20/11/2005	Nữ	11B07.23
15	12C04.15	Trần Thị Ngọc	Ly	03/01/2005	Nữ	11B10.20
16	12C04.16	Phạm Quỳnh	Mai	12/02/2004	Nữ	11B04.19
17	12C04.17	Nguyễn Hoàng Nhựt	Minh	18/08/2005	Nam	11B09.22
18	12C04.18	Phạm Nguyễn Trọng	Minh	25/09/2005	Nam	11B11.22
19	12C04.19	Nguyễn Thị Trà	My	17/03/2005	Nữ	11B07.25
20	12C04.20	Kiều Thị Thanh	Nga	07/02/2005	Nữ	11B06.23
21	12C04.21	Ngô Hồng	Ngọc	02/07/2005	Nữ	11B11.25
22	12C04.22	Nguyễn Như Bảo	Ngọc	07/02/2005	Nữ	11B12.24
23	12C04.23	Lê Nguyễn Thảo	Nhi	16/11/2005	Nữ	11B11.27
24	12C04.24	Nguyễn Yên	Nhi	09/09/2005	Nữ	11B05.28
25	12C04.25	Phạm Quỳnh Bảo	Nhi	25/09/2005	Nữ	11B12.27
26	12C04.26	Nguyễn Trần Quỳnh	Như	18/09/2005	Nữ	11B14.27
27	12C04.27	Trần Minh	Phuong	25/01/2005	Nữ	11B12.30
28	12C04.28	Lê Văn	Quang	17/08/2005	Nam	11B09.30
29	12C04.29	Lê Thị Như	Quỳnh	13/11/2005	Nữ	11B05.32
30	12C04.30	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	29/07/2005	Nữ	11B06.35
31	12C04.31	Nguyễn Tấn	Tài	13/01/2005	Nam	11B15.33
32	12C04.32	Nguyễn Anh	Thư	11/05/2005	Nữ	11B12.36
33	12C04.33	Lê Nguyễn Thanh	Thương	27/07/2005	Nữ	11B11.37
34	12C04.34	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	18/11/2005	Nữ	11B15.39
35	12C04.35	Lê Ngọc Bảo	Trân	17/09/2005	Nữ	11B05.39
36	12C04.36	Phan Phùng Bảo	Trân	10/02/2005	Nữ	11B07.42
37	12C04.37	Trần Quỳnh	Trang	06/07/2005	Nữ	11B05.40
38	12C04.38	Nguyễn Thanh	Trúc	06/03/2005	Nữ	11B08.43
39	12C04.39	Lã Văn	Tuấn	29/01/2005	Nam	11B12.41
40	12C04.40	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	13/01/2005	Nữ	11B05.43
41	12C04.41	Lê Trịnh Phương	Uyên	05/09/2005	Nữ	11B05.44
42	12C04.42	Dương Thảo	Vy	30/08/2005	Nữ	11B04.43
43	12C04.43	Trần Lê Lan	Vy	11/07/2005	Nữ	11B03.47
44	12C04.44	Nguyễn Ngọc Như	Ý	12/08/2005	Nữ	11B10.46
45	12C04.45					
46	12C04.46					
47	12C04.47					
48	12C04.48					
49	12C04.49					
50	12C04.50					

44 Danh sách có: 44 học sinh
Người lập danh sách

34 Nữ Ngày 15 tháng 8 năm 2022
HIỆU TRƯỞNG

Trần Huỳnh Tấn Tài

Lương Văn Định

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12C05

STT	Mã số	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Lớp cũ	Ghi chú
1	12C05.01	Lê Thanh Hoàng	An	06/10/2005	Nữ	11B04.01
2	12C05.02	Đặng Nguyễn Văn	Anh	11/04/2005	Nữ	11B14.02
3	12C05.03	Tạ Thị Quỳnh	Anh	10/09/2005	Nữ	11B01.04
4	12C05.04	Trần Thị Hương	Diệp	08/07/2005	Nữ	11B11.05
5	12C05.05	Trương Ngọc Trúc	Diệp	27/07/2005	Nữ	11B12.05
6	12C05.06	Lê Dương Tiên	Dũng	01/07/2005	Nam	11B10.06
7	12C05.07	Lê Thị Mỹ	Duyên	27/11/2005	Nữ	11B13.06
8	12C05.08	Nguyễn Tạ Tú	Duyên	05/03/2005	Nữ	11B14.07
9	12C05.09	Đoàn Văn Hoàng Hải	Đặng	09/01/2005	Nam	11B13.07
10	12C05.10	Đỗ Tiến	Đạt	18/03/2005	Nam	11B04.05
11	12C05.11	Đinh Phạm Ngọc	Hà	22/08/2005	Nữ	11B10.09
12	12C05.12	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	04/07/2004	Nữ	11B13.12
13	12C05.13	Nguyễn Võ Ngọc Quỳnh	Hương	30/08/2005	Nữ	11B03.13
14	12C05.14	Lê Hải	Huy	03/08/2005	Nam	11B04.11
15	12C05.15	Vũ Hoàng Gia	Huy	04/03/2005	Nam	11B05.15
16	12C05.16	Bùi Nguyễn Anh	Khoa	12/11/2005	Nam	11B12.16
17	12C05.17	Lê Phương	Linh	05/07/2005	Nữ	11B14.16
18	12C05.18	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	07/08/2005	Nữ	11B07.21
19	12C05.19	Trần Thị	Ly	28/04/2005	Nữ	11B09.21
20	12C05.20	Hoàng Thị Quỳnh	Mai	28/06/2005	Nữ	11B13.20
21	12C05.21	Lê Phương Trà	My	03/08/2005	Nữ	11B04.21
22	12C05.22	Hoàng Thị Kim	Ngân	03/07/2005	Nữ	11B09.24
23	12C05.23	Ngô Thanh	Ngân	31/08/2005	Nữ	11B10.24
24	12C05.24	Phạm Thị Kim	Ngân	15/02/2005	Nữ	11B13.23
25	12C05.25	Doãn Thị Bích	Ngọc	18/09/2005	Nữ	11B01.27
26	12C05.26	Hồ Hoàng Khánh	Ngọc	11/01/2005	Nữ	11B09.25
27	12C05.27	Phạm Khánh	Ngọc	03/05/2005	Nữ	11B13.25
28	12C05.28	Tô Nguyễn Bảo	Ngọc	08/01/2005	Nữ	11B14.24
29	12C05.29	Dương Yến	Nhi	02/01/2005	Nữ	11B04.26
30	12C05.30	Nguyễn Phúc Yến	Nhi	12/11/2005	Nữ	11B10.26
31	12C05.31	Phạm Thị Yến	Nhi	08/03/2005	Nữ	11B13.27
32	12C05.32	Trương Thị Vân	Nhi	25/05/2005	Nữ	11B02.28
33	12C05.33	Lê Bá	Tài	19/04/2005	Nam	11B13.33
34	12C05.34	Trịnh Phương	Thảo	20/10/2005	Nữ	11B02.35
35	12C05.35	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	23/04/2005	Nữ	11B02.37
36	12C05.36	Phan Nguyễn Anh	Thư	28/03/2005	Nữ	11B05.36
37	12C05.37	Nguyễn Lê Cẩm	Thuy	01/01/2005	Nữ	11B13.37
38	12C05.38	Trần Thảo	Trang	21/02/2005	Nữ	11B02.42
39	12C05.39	Trần Thị Thùy	Trang	12/07/2005	Nữ	11B02.43
40	12C05.40	Huỳnh Ngọc Thanh	Trúc	18/08/2005	Nữ	11B03.43
41	12C05.41	Nguyễn Minh	Tuyết	19/01/2005	Nữ	11B12.42
42	12C05.42	Lê Hoàng Tổ	Uyên	12/07/2005	Nữ	11B04.41
43	12C05.43	Nguyễn Ngô Thanh	Vân	29/01/2005	Nữ	11B06.46
44	12C05.44	Nguyễn Hồ Thảo	Vy	02/06/2005	Nữ	11B09.46
45	12C05.45	Nguyễn Thị Lan	Vy	03/02/2005	Nữ	11B11.47
46	12C05.46	Phạm Thảo	Vy	01/08/2005	Nữ	11B12.44
47	12C05.47	Nguyễn Thị Hồng	Yên	25/05/2005	Nữ	11B01.47
48	12C05.48					
49	12C05.49					
50	12C05.50					

47 Danh sách có: 47 học sinh
Người lập danh sách

40 Nữ Ngày 15 tháng 8 năm 2022
HIỆU TRƯỞNG

Trần Huỳnh Tấn Tài

Lương Văn Định

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12C06

STT	Mã số	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Lớp cũ	Ghi chú
1	12C06.01	Hoàng Thị Thúy	An	27/04/2005	Nữ	11B01.01
2	12C06.02	Phạm Hoài	An	22/08/2005	Nam	11B02.01
3	12C06.03	Lê Thị Lan	Anh	07/07/2005	Nữ	11B07.02
4	12C06.04	Ngô Phương	Anh	25/10/2005	Nữ	11B09.03
5	12C06.05	Trần Đức	Anh	04/09/2005	Nam	11B02.04
6	12C06.06	Bùi Quốc	Bảo	24/08/2005	Nam	11B01.06
7	12C06.07	Nguyễn Đình Thanh	Bình	16/09/2005	Nữ	11B01.07
8	12C06.08	Nguyễn Phương Bảo	Châu	06/09/2005	Nữ	11B01.10
9	12C06.09	Đỗ Nhật	Duy	04/03/2005	Nam	11B01.12
10	12C06.10	Hồ Phạm Phương	Duy	09/10/2005	Nam	11B12.07
11	12C06.11	Huỳnh Phát	Đạt	20/10/2005	Nam	11B01.13
12	12C06.12	Lê Quan	Điền	13/11/2005	Nam	11B10.08
13	12C06.13	Nguyễn Thị Phương	Hiên	29/01/2005	Nữ	11B03.11
14	12C06.14	Từ Tiến	Hoàng	28/01/2005	Nam	11B03.12
15	12C06.15	Vũ Đình	Học	29/12/2005	Nam	11B04.10
16	12C06.16	Lê Thị Ngọc	Hương	26/01/2005	Nữ	11B02.16
17	12C06.17	Nguyễn Minh	Huy	28/09/2005	Nam	11B09.15
18	12C06.18	Đặng Võ Thiên	Khanh	17/11/2005	Nam	11B02.19
19	12C06.19	Lê Minh	Khôi	09/04/2005	Nam	11B01.20
20	12C06.20	Tổng Minh	Khôi	20/08/2005	Nam	11B02.20
21	12C06.21	Lê Trung	Kiên	01/01/2005	Nam	11B07.19
22	12C06.22	Nguyễn Ngọc Tuấn	Kiệt	15/05/2005	Nam	11B10.16
23	12C06.23	Trịnh Lê Gia	Long	06/01/2005	Nam	11B13.19
24	12C06.24	Hoàng Công	Minh	12/01/2005	Nam	11B07.24
25	12C06.25	Phạm Vũ Gia	Minh	15/07/2005	Nam	11B12.22
26	12C06.26	Nguyễn Cảnh	Nhật	21/01/2005	Nam	11B01.28
27	12C06.27	Huỳnh Yên	Nhi	10/10/2005	Nữ	11B02.27
28	12C06.28	Lê Hoàng Trúc	Nhi	06/07/2005	Nữ	11B01.29
29	12C06.29	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	25/05/2005	Nữ	11B10.27
30	12C06.30	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	17/04/2005	Nữ	11B12.28
31	12C06.31	Nguyễn Hồ Gia	Phú	07/10/2005	Nam	11B01.30
32	12C06.32	Diệp Lạc Yên	Phương	06/07/2005	Nữ	11B07.33
33	12C06.33	Ngô Đức Nhật	Tâm	23/10/2005	Nam	11B01.34
34	12C06.34	Phạm Trung	Tân	21/08/2005	Nam	11B11.35
35	12C06.35	Nguyễn Quốc	Thông	02/05/2005	Nam	11B09.36
36	12C06.36	Võ Nguyễn Thảo	Thuận	04/08/2005	Nam	11B09.37
37	12C06.37	Võ Huỳnh Thanh	Thúy	25/05/2005	Nữ	11B15.37
38	12C06.38	Quách Thủy	Tiên	13/09/2005	Nữ	11B13.38
39	12C06.39	Trần Trọng	Tín	07/07/2005	Nam	11B08.40
40	12C06.40	Nguyễn Lê Quỳnh	Trang	30/10/2005	Nữ	11B01.39
41	12C06.41	Nguyễn Hoàng	Việt	24/10/2005	Nam	11B09.45
42	12C06.42	Lê Tường	Vinh	02/02/2005	Nam	11B01.45
43	12C06.43					
44	12C06.44					
45	12C06.45					
46	12C06.46					
47	12C06.47					
48	12C06.48					
49	12C06.49					
50	12C06.50					

42 Danh sách có: 42 học sinh
Người lập danh sách

15 Nữ Ngày 15 tháng 8 năm 2022
HIỆU TRƯỞNG

Trần Huỳnh Tấn Tài

Lương Văn Định

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12C07

STT	Mã số	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Lớp cũ	Ghi chú
1	12C07.01	Nguyễn Quốc An	11/08/2005	Nam	11B06.01	
2	12C07.02	Đào Duy Anh	03/08/2005	Nam	11B15.01	
3	12C07.03	Nguyễn Thị Phương Anh	17/07/2005	Nữ	11B03.03	
4	12C07.04	Nguyễn Phạm Ngọc Dung	07/05/2005	Nữ	11B11.06	
5	12C07.05	Nguyễn Thị Thùy Dương	27/12/2005	Nữ	11B06.06	
6	12C07.06	Nguyễn Thị Nguyệt Đăng	05/09/2005	Nữ	11B07.07	
7	12C07.07	Lưu Thành Đạt	28/07/2005	Nam	11B06.07	
8	12C07.08	Nguyễn Minh Đông	14/07/2005	Nam	11B14.08	
9	12C07.09	Đoàn Huỳnh Anh Hào	30/01/2005	Nam	11B13.09	
10	12C07.10	Nguyễn Văn Hiếu	05/02/2005	Nam	11B01.14	
11	12C07.11	Phan Thanh Hoàng	15/07/2005	Nam	11B13.10	
12	12C07.12	Lê Đoàn Hoàng Khang	25/12/2005	Nam	11B03.15	
13	12C07.13	Nguyễn Tuấn Khang	01/07/2005	Nam	11B05.16	
14	12C07.14	Nguyễn Đỗ Anh Kiệt	26/12/2005	Nam	11B09.17	
15	12C07.15	Nguyễn Văn Hoàng Linh	23/07/2005	Nam	11B06.17	
16	12C07.16	Võ Bá Lộc	08/06/2005	Nam	11B07.22	
17	12C07.17	Lê Nguyễn Đức Long	11/02/2005	Nam	11B09.20	
18	12C07.18	Nguyễn Thị Huyền My	24/05/2005	Nữ	11B06.22	
19	12C07.19	Trương Thành Nhân	07/01/2005	Nam	11B15.26	
20	12C07.20	Hà Kiều Oanh	15/07/2005	Nữ	11B08.28	
21	12C07.21	Nguyễn Hồng Minh Phúc	10/06/2005	Nữ	11B03.31	
22	12C07.22	Nhữ Đình Bảo Phúc	10/03/2005	Nam	11B05.47	
23	12C07.23	Hoàng Từ Thanh Phương	30/08/2005	Nữ	11B08.31	
24	12C07.24	Nguyễn Cao Nhã Phương	01/09/2005	Nữ	11B06.32	
25	12C07.25	Đặng Hồng Quang	26/07/2005	Nam	11B07.34	
26	12C07.26	Vũ Tú Quyên	05/06/2005	Nữ	11B03.35	
27	12C07.27	Võ Bá Tài	08/06/2005	Nam	11B07.36	
28	12C07.28	Triệu Hoàng Gia Thắng	22/01/2005	Nam	11B14.34	
29	12C07.29	Nguyễn Phạm Thu Thảo	09/11/2005	Nữ	11B12.35	
30	12C07.30	Tô Nguyễn Ngọc Thư	28/09/2005	Nữ	11B06.39	
31	12C07.31	Vũ Trần Minh Thư	27/02/2005	Nữ	11B08.37	
32	12C07.32	Lữ Thủy Tiên	05/04/2005	Nữ	11B09.38	
33	12C07.33	Nguyễn Mạnh Tiến	26/09/2005	Nam	11B15.38	
34	12C07.34	Nguyễn Trường Tính	08/11/2005	Nam	11B09.40	
35	12C07.35	Đỗ Xuân Trúc	10/05/2005	Nữ	11B14.42	
36	12C07.36	Phùng Chí Trung	18/06/2005	Nam	11B06.44	
37	12C07.37	Phạm Văn Tuấn	16/05/2005	Nam	11B15.42	
38	12C07.38	Phạm Thanh Tuyền	08/12/2005	Nữ	11B09.44	
39	12C07.39	Bùi Trần Thảo Vy	20/10/2005	Nữ	11B15.44	
40	12C07.40	Bùi Minh Ý	31/01/2005	Nam	11B07.48	
41	12C07.41					
42	12C07.42					
43	12C07.43					
44	12C07.44					
45	12C07.45					
46	12C07.46					
47	12C07.47					
48	12C07.48					
49	12C07.49					
50	12C07.50					

40 Danh sách có: 40 học sinh

17 Nữ Ngày 15 tháng 8 năm 2022

Người lập danh sách

HIỆU TRƯỞNG

Trần Huỳnh Tấn Tài

Lương Văn Định

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12C08

STT	Mã số	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Lớp cũ	Ghi chú
1	12C08.01	Nguyễn Thị An	18/08/2005	Nữ	11B12.01	
2	12C08.02	Hoàng Lan Anh	13/11/2005	Nữ	11B06.02	
3	12C08.03	Nguyễn Huỳnh Ngọc Ánh	14/01/2005	Nữ	11B15.04	
4	12C08.04	Dương Gia Bảo	01/02/2005	Nam	11B05.04	
5	12C08.05	Thái Huy Bình	30/01/2005	Nam	11B15.05	
6	12C08.06	Mã Thị Thùy Dương	20/08/2005	Nữ	11B05.06	
7	12C08.07	Chu Quốc Đạt	21/06/2005	Nam	11B03.07	
8	12C08.08	Nguyễn Minh Đức	08/12/2005	Nam	11B06.08	
9	12C08.09	Phạm Anh Hào	24/07/2005	Nam	11B14.10	
10	12C08.10	Trần Văn Hiếu	18/05/2005	Nam	11B09.13	
11	12C08.11	Nguyễn Quang Huy	04/04/2005	Nam	11B10.13	
12	12C08.12	Nguyễn Minh Khang	30/08/2005	Nam	11B04.13	
13	12C08.13	Đoàn Chí Kiên	18/11/2005	Nam	11B06.15	
14	12C08.14	Phạm Thị Trúc Lan	25/03/2005	Nữ	11B05.19	
15	12C08.15	Nguyễn Thành Minh	19/09/2005	Nam	11B10.21	
16	12C08.16	Thiều Quốc Nam	06/01/2005	Nam	11B03.24	
17	12C08.17	Vũ Hoàng Nam	29/03/2005	Nam	11B05.24	
18	12C08.18	Huỳnh Hải Nghi	16/01/2005	Nữ	11B15.24	
19	12C08.19	Đào Trọng Nghĩa	07/06/2005	Nam	11B05.25	
20	12C08.20	Phan Hữu Nghĩa	13/06/2005	Nam	11B06.24	
21	12C08.21	Châu Thị Quỳnh Như	02/03/2005	Nữ	11B06.28	
22	12C08.22	Cao Phi	05/06/2005	Nam	11B06.30	
23	12C08.23	Nguyễn Ngọc Quốc	11/12/2005	Nam	11B12.31	
24	12C08.24	Nguyễn Quý Mạnh	05/02/2005	Nam	11B06.34	
25	12C08.25	Ngô Đức Tâm	12/01/2005	Nam	11B06.36	
26	12C08.26	Nguyễn Thị Thanh Tâm	19/02/2005	Nữ	11B07.37	
27	12C08.27	Lục Minh Thành	15/01/2005	Nam	11B06.37	
28	12C08.28	Nguyễn Thị Anh Thư	13/09/2005	Nữ	11B15.36	
29	12C08.29	Võ Thị Thu Thuyền	14/10/2005	Nữ	11B04.35	
30	12C08.30	Phan Minh Tiến	01/08/2005	Nam	11B05.38	
31	12C08.31	Cao Ngọc Khắc Triệu	22/03/2005	Nam	11B10.40	
32	12C08.32	Nguyễn Thành Trung	03/09/2005	Nam	11B05.41	
33	12C08.33	Lê Đình Tuấn	20/01/2005	Nam	11B13.42	
34	12C08.34	Trần Hưng Tuấn	02/07/2005	Nam	11B01.42	
35	12C08.35	Huỳnh Mai Cát Tường	06/06/2005	Nữ	11B05.42	
36	12C08.36	Tổng Thị Vân	30/06/2005	Nữ	11B07.46	
37	12C08.37	Nguyễn Hải Vũ	30/11/2005	Nam	11B01.46	
38	12C08.38	Trần Đào Vy	28/05/2005	Nữ	11B15.45	
39	12C08.39	Nguyễn Phạm Như Ý	25/04/2005	Nữ	11B03.48	
40	12C08.40					
41	12C08.41					
42	12C08.42					
43	12C08.43					
44	12C08.44					
45	12C08.45					
46	12C08.46					
47	12C08.47					
48	12C08.48					
49	12C08.49					
50	12C08.50					

39 Danh sách có: 39 học sinh
Người lập danh sách

14 Nữ Ngày 15 tháng 8 năm 2022
HIỆU TRƯỞNG

Trần Huỳnh Tấn Tài

Lương Văn Định

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12C09

STT	Mã số	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Lớp cũ	Ghi chú
1	12C09.01	Đỗ Việt Anh	25/04/2005	Nam	11B02.02	
2	12C09.02	Nguyễn Hoàng Kim Anh	01/12/2005	Nữ	11B01.03	
3	12C09.03	Nguyễn Thị Vân Anh	14/09/2005	Nữ	11B02.03	
4	12C09.04	Nguyễn Phan Hoàng Bách	06/06/2005	Nam	11B02.05	
5	12C09.05	Lý Ngọc Trân Châu	14/03/2005	Nữ	11B01.08	
6	12C09.06	Phạm Mạnh Cường	05/09/2005	Nam	11B02.10	
7	12C09.07	Lê Thùy Dung	27/01/2005	Nữ	11B01.11	
8	12C09.08	Thái Nguyễn Quang Dũng	21/10/2005	Nam	11B14.06	
9	12C09.09	Nguyễn Thị Hồng Duyên	21/01/2005	Nữ	11B15.08	
10	12C09.10	Lê Thành Đạt	28/08/2005	Nam	11B02.13	
11	12C09.11	Nguyễn Tiến Đạt	07/03/2005	Nam	11B08.08	
12	12C09.12	Lê Việt Đức	10/07/2005	Nam	11B04.06	
13	12C09.13	Đặng Thị Hồng Hà	16/03/2005	Nữ	11B09.11	
14	12C09.14	Mai Đình Hiếu	23/10/2005	Nam	11B07.13	
15	12C09.15	Trần Quốc Hưng	05/12/2005	Nam	11B02.15	
16	12C09.16	Nguyễn Đăng Huy	28/06/2005	Nam	11B08.13	
17	12C09.17	Nguyễn Nhật Huy	19/10/2005	Nam	11B01.17	
18	12C09.18	Phạm Quang Khải	13/03/2005	Nam	11B01.19	
19	12C09.19	Nguyễn Ngọc Duy Khoa	16/05/2005	Nam	11B11.15	
20	12C09.20	Trần Doãn Hoàng Lâm	10/11/2005	Nam	11B04.15	
21	12C09.21	Nguyễn Đức Long	22/05/2005	Nam	11B11.19	
22	12C09.22	Nguyễn Thị Trà My	14/10/2005	Nữ	11B01.24	
23	12C09.23	Trần Ngọc My	19/02/2005	Nữ	11B02.23	
24	12C09.24	Tôn Nguyễn Phương Nam	15/06/2005	Nữ	11B01.25	
25	12C09.25	Huỳnh Thị Thanh Nga	08/05/2005	Nữ	11B02.24	
26	12C09.26	Nguyễn Thị Phương Nga	02/08/2005	Nữ	11B01.26	
27	12C09.27	Nguyễn Xuân Trung Nghĩa	03/02/2005	Nam	11B02.25	
28	12C09.28	Trương Bảo Ngọc	22/10/2005	Nữ	11B15.25	
29	12C09.29	Ngô Trần Phúc Nguyên	25/02/2005	Nam	11B06.26	
30	12C09.30	Nguyễn Thành Nhân	26/08/2005	Nam	11B02.26	
31	12C09.31	Trương Bảo Khánh Nhiên	26/01/2005	Nữ	11B02.29	
32	12C09.32	Lê Đoàn Khánh Như	06/02/2005	Nữ	11B11.28	
33	12C09.33	Nguyễn Ngọc Tuyết Như	01/10/2005	Nữ	11B11.29	
34	12C09.34	Trần Tân Phú	25/04/2005	Nam	11B09.29	
35	12C09.35	Nguyễn Trần Mai Phương	25/04/2005	Nữ	11B11.32	
36	12C09.36	Đỗ Như Quỳnh	01/10/2005	Nữ	11B03.36	
37	12C09.37	Nguyễn Văn Anh Sơn	27/02/2005	Nam	11B11.34	
38	12C09.38	Đào Đình Thanh	04/12/2005	Nam	11B12.34	
39	12C09.39	Lê Quốc Thiện	25/04/2005	Nam	11B01.36	
40	12C09.40	Đình Nguyễn Anh Thư	29/03/2005	Nữ	11B02.36	
41	12C09.41	Dương Thị Quỳnh Trang	02/07/2005	Nữ	11B02.40	
42	12C09.42	Võ Nguyễn Thi Trang	27/06/2005	Nữ	11B06.43	
43	12C09.43	Nguyễn Minh Triết	11/08/2005	Nam	11B09.42	
44	12C09.44	Nguyễn Bội Tuyền	10/08/2005	Nữ	11B07.45	
45	12C09.45	Nguyễn Quốc Uy	28/10/2005	Nam	11B01.43	
46	12C09.46	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	06/12/2005	Nữ	11B01.44	
47	12C09.47	Trần Hiền Vi	08/12/2005	Nữ	11B02.45	
48	12C09.48	Vũ Văn Võ	27/03/2005	Nam	11B11.46	
49	12C09.49					
50	12C09.50					

48 Danh sách có: 48 học sinh
Người lập danh sách

23 Nữ Ngày 15 tháng 8 năm 2022
HIỆU TRƯỞNG

Trần Huỳnh Tấn Tài

Lương Văn Định

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12C10

STT	Mã số	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Lớp cũ	Ghi chú
1	12C10.01	Đoàn Duy Anh	17/01/2005	Nam	11B03.02	
2	12C10.02	Nguyễn Văn Anh	11/11/2005	Nữ	11B07.03	
3	12C10.03	Lý Nam Bình	16/04/2005	Nam	11B12.04	
4	12C10.04	Nguyễn Thái Bình	22/10/2005	Nam	11B14.05	
5	12C10.05	Nguyễn Quốc Chí	11/03/2005	Nam	11B08.05	
6	12C10.06	Nguyễn Đình Cường	24/08/2005	Nam	11B10.04	
7	12C10.07	Nguyễn Hoàng Dũng	06/12/2005	Nam	11B12.06	
8	12C10.08	Lê Đình Dương	22/11/2005	Nam	11B03.06	
9	12C10.09	Trần Thanh Định	23/04/2005	Nam	11B13.08	
10	12C10.10	Bùi Quang Đức	06/05/2005	Nam	11B03.08	
11	12C10.11	Lê Ngọc Hân	23/02/2005	Nữ	11B05.10	
12	12C10.12	Nguyễn Văn Hoàn	07/08/2005	Nam	11B07.14	
13	12C10.13	Dương Tuấn Hùng	17/09/2005	Nam	11B07.15	
14	12C10.14	Đàm Nguyễn Minh Huyền	01/10/2005	Nữ	11B14.13	
15	12C10.15	Nguyễn Minh Kha	31/03/2005	Nam	11B14.14	
16	12C10.16	Cao Anh Khoa	04/02/2005	Nam	11B10.15	
17	12C10.17	Bùi Nhân Kiệt	20/09/2005	Nam	11B08.16	
18	12C10.18	Nguyễn Khánh Lâm	08/03/2005	Nam	11B03.17	
19	12C10.19	Vũ Thị Thùy Linh	28/09/2005	Nữ	11B14.18	
20	12C10.20	Trần Vũ Lộc	29/08/2005	Nam	11B06.19	
21	12C10.21	Trương Vĩnh Thành Long	09/01/2005	Nam	11B14.19	
22	12C10.22	Nguyễn Đức Lương	10/11/2005	Nam	11B04.18	
23	12C10.23	Đào Quang Minh	06/02/2005	Nam	11B06.21	
24	12C10.24	Trần Thị Thu Minh	27/02/2005	Nữ	11B13.21	
25	12C10.25	Văn Sỹ Trần Minh	23/10/2005	Nam	11B14.20	
26	12C10.26	Nguyễn Thị Hằng Na	11/02/2005	Nữ	11B10.23	
27	12C10.27	Đào Khiêm Nghĩa	07/01/2005	Nam	11B04.23	
28	12C10.28	Nguyễn Đăng Nguyên	20/07/2005	Nam	11B07.28	
29	12C10.29	Trần Thị Minh Nguyệt	27/06/2005	Nữ	11B08.48	
30	12C10.30	Trần Lê Yên Nhi	19/05/2005	Nữ	11B14.26	
31	12C10.31	Dương Kim Oanh	13/02/2005	Nữ	11B07.31	
32	12C10.32	Đào Tiến Phát	11/10/2005	Nam	11B10.28	
33	12C10.33	Nguyễn Tấn Phát	06/04/2005	Nam	11B09.28	
34	12C10.34	Vũ Quang Phát	24/08/2005	Nam	11B04.29	
35	12C10.35	Đỗ Trọng Phúc	25/04/2005	Nam	11B10.29	
36	12C10.36	Nguyễn Lê Hồng Phúc	22/12/2005	Nữ	11B14.29	
37	12C10.37	Phạm Thiên Quang	14/01/2005	Nam	11B14.31	
38	12C10.38	Nguyễn Nhật Sơn	12/04/2005	Nam	11B01.33	
39	12C10.39	Nguyễn Hoàng Minh Thành	28/01/2005	Nam	11B09.33	
40	12C10.40	Phan Gia Thiên	07/02/2005	Nam	11B04.33	
41	12C10.41	Nguyễn Hưng Thịnh	05/09/2005	Nam	11B06.38	
42	12C10.42	Phạm Duy Tiên	25/11/2005	Nam	11B04.36	
43	12C10.43	Nguyễn Thùy Trang	08/06/2005	Nữ	11B13.40	
44	12C10.44	Trần Mai Huyền Trang	10/06/2005	Nữ	11B04.38	
45	12C10.45	Nguyễn Thanh Tùng	21/12/2005	Nam	11B14.44	
46	12C10.46	Trần Quốc Vinh	04/10/2005	Nam	11B10.43	
47	12C10.47	Nguyễn Hoàng Vũ	23/09/2005	Nam	11B14.47	
48	12C10.48	Tạ Nhật Vy	30/11/2005	Nữ	11B14.48	
49	12C10.49					
50	12C10.50					

48 Danh sách có: 48 học sinh
Người lập danh sách

13 Nữ Ngày 15 tháng 8 năm 2022
HIỆU TRƯỞNG

Trần Huỳnh Tấn Tài

Lương Văn Định

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12C11

STT	Mã số	Họ và	Tên	Ngày sinh	Phái	Lớp cũ	Ghi chú
1	12C11.01	Dương Thiên	An	16/08/2005	Nam	11B01.02	
2	12C11.02	Đỗ Chiêu	Anh	20/10/2005	Nam	11B15.02	
3	12C11.03	Lê Quỳnh	Anh	06/03/2005	Nữ	11B11.01	
4	12C11.04	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	24/08/2005	Nữ	11B14.03	
5	12C11.05	Nguyễn Nhật	Anh	28/03/2005	Nam	11B15.03	
6	12C11.06	Nguyễn Thị Thúy	Anh	19/12/2005	Nữ	11B04.03	
7	12C11.07	Trần Thị Vân	Anh	04/07/2005	Nữ	11B12.03	
8	12C11.08	Nguyễn Tiên Gia	Bảo	20/01/2005	Nam	11B08.04	
9	12C11.09	Nguyễn Linh	Chi	21/01/2005	Nữ	11B04.04	
10	12C11.10	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Chi	16/06/2005	Nữ	11B05.05	
11	12C11.11	Nguyễn Trần Đức	Dương	18/05/2005	Nam	11B08.07	
12	12C11.12	Ngũ Minh	Duy	18/05/2005	Nam	11B10.07	
13	12C11.13	Nguyễn Thiện	Đạt	02/09/2005	Nam	11B15.09	
14	12C11.14	Nguyễn Hồng	Đức	05/07/2005	Nam	11B05.08	
15	12C11.15	Thân Hoàng	Gia	03/12/2005	Nam	11B03.09	
16	12C11.16	Kiều Duy	Hiếu	25/10/2005	Nam	11B06.11	
17	12C11.17	Tạ Minh	Hoàng	07/01/2005	Nam	11B14.11	
18	12C11.18	Trần Thanh	Hương	16/11/2005	Nữ	11B12.13	
19	12C11.19	Ngô Quang	Huy	04/03/2005	Nam	11B06.13	
20	12C11.20	Phạm Huỳnh Gia	Huy	26/09/2005	Nam	11B13.13	
21	12C11.21	Trần Gia	Huy	22/01/2005	Nam	11B15.15	
22	12C11.22	Trần Tuấn	Khoa	09/04/2005	Nam	11B12.17	
23	12C11.23	Trần Tuấn	Kiệt	25/01/2005	Nam	11B12.18	
24	12C11.24	Lê Hoàng	Long	27/08/2005	Nam	11B08.19	
25	12C11.25	Nguyễn Hoàng	Luân	15/10/2005	Nam	11B15.20	
26	12C11.26	Phạm Mai	Ly	12/06/2005	Nữ	11B08.20	
27	12C11.27	Đỗ Bình	Minh	21/04/2005	Nam	11B11.21	
28	12C11.28	Nguyễn Hoài	Nam	12/09/2005	Nam	11B15.23	
29	12C11.29	Nguyễn Thiên	Ngọc	15/06/2005	Nữ	11B14.23	
30	12C11.30	Lê Đại	Nhân	30/09/2005	Nam	11B11.26	
31	12C11.31	Nguyễn Quốc	Phong	28/10/2005	Nam	11B07.32	
32	12C11.32	Nguyễn Thiên	Phú	27/11/2005	Nam	11B08.29	
33	12C11.33	Lê Nguyễn Hồng	Phúc	18/04/2005	Nam	11B11.31	
34	12C11.34	Phạm Đại	Phúc	01/01/2005	Nam	11B15.30	
35	12C11.35	Nguyễn Thanh	Phước	02/01/2005	Nam	11B08.30	
36	12C11.36	Khuu Phùng	Quang	02/06/2005	Nam	11B08.32	
37	12C11.37	Trần Hoàng	Quý	02/01/2005	Nam	11B11.33	
38	12C11.38	Phạm Phương	Quỳnh	30/12/2005	Nữ	11B08.33	
39	12C11.39	Nguyễn Trịnh Nam	Sơn	10/04/2005	Nam	11B10.31	
40	12C11.40	Nguyễn Quyết	Thắng	08/12/2005	Nam	11B12.33	
41	12C11.41	Võ Quốc	Thành	25/01/2005	Nam	11B07.38	
42	12C11.42	Nguyễn Minh	Thiện	09/03/2005	Nam	11B05.35	
43	12C11.43	Nguyễn Quán Hưng	Thịnh	01/01/2005	Nam	11B07.39	
44	12C11.44	Huỳnh Phước	Toàn	26/01/2005	Nam	11B10.38	
45	12C11.45	Đặng Trần Ngọc	Trâm	29/09/2005	Nữ	11B12.38	
46	12C11.46	Lê Kim	Trang	01/02/2005	Nữ	11B08.41	
47	12C11.47	Phan Ngọc	Trang	20/07/2005	Nữ	11B01.40	
48	12C11.48	Phùng Nguyễn Ngọc	Trang	18/02/2005	Nữ	11B15.40	
49	12C11.49	Trần Vũ Hữu	Trí	29/05/2005	Nam	11B08.42	
50	12C11.50	Tiêu Cát	Tường	24/11/2005	Nữ	11B06.45	
51	12C11.51	Lê Ngọc	Tuyết	01/07/2005	Nữ	11B11.44	
52	12C11.52	Võ Thụy Bích	Vân	07/04/2005	Nữ	11B14.46	
53	12C11.53	Trần Thị Tường	Vy	14/12/2005	Nữ	11B06.47	

53 Danh sách có: 53 học sinh
Người lập danh sách

18 Nữ Ngày 15 tháng 8 năm 2022
HIỆU TRƯỞNG

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12C12

STT	Mã số	Họ và	Tên	Ngày sinh	Phái	Lớp cũ	Ghi chú
1	12C12.01	Đoàn Đồng	An	03/02/2005	Nam	11B03.01	
2	12C12.02	Nguyễn Hoàng	Anh	27/06/2005	Nam	11B11.02	
3	12C12.03	Nguyễn Hoàng	Bảo	23/08/2004	Nam	11B06.04	
4	12C12.04	Nguyễn Danh	Bình	27/08/2005	Nam	11B13.04	
5	12C12.05	Trần Mạnh	Dũng	01/02/2005	Nam	11B15.07	
6	12C12.06	Trịnh Anh	Duy	12/01/2005	Nam	11B11.08	
7	12C12.07	Tôn Triệu	Đàng	20/07/2005	Nam	11B12.09	
8	12C12.08	Trần Phạm Minh	Đức	14/02/2005	Nam	11B07.09	
9	12C12.09	Đoàn Hoàng	Hà	21/08/2005	Nam	11B11.10	
10	12C12.10	Nguyễn Danh Thu	Hồng	25/07/2005	Nữ	11B06.12	
11	12C12.11	Nguyễn Minh	Hung	14/07/2005	Nam	11B13.11	
12	12C12.12	Đặng Quỳnh	Hương	29/04/2005	Nữ	11B05.13	
13	12C12.13	Trần Dương Kim	Huyền	10/05/2005	Nữ	11B12.15	
14	12C12.14	Vòng Nguyên	Hy	17/11/2005	Nam	11B13.14	
15	12C12.15	Chu Quốc	Khánh	05/09/2005	Nam	11B08.15	
16	12C12.16	Bùi Lê Duy	Khương	22/08/2005	Nam	11B05.17	
17	12C12.17	Trương Tuấn	Kiệt	12/10/2005	Nam	11B13.16	
18	12C12.18	Nguyễn Thiên	Kim	22/04/2005	Nữ	11B05.18	
19	12C12.19	Võ Thị Thùy	Linh	20/02/2005	Nữ	11B13.18	
20	12C12.20	Huỳnh Thị Phương	Loan	03/11/2005	Nữ	11B03.20	
21	12C12.21	Vũ Thị Kim	Loan	08/03/2005	Nữ	11B04.17	
22	12C12.22	Nguyễn Phước	Lộc	01/05/2005	Nam	11B05.21	
23	12C12.23	Nguyễn Thành	Long	30/06/2005	Nam	11B12.20	
24	12C12.24	Nguyễn Minh	Luân	23/04/2005	Nam	11B03.21	
25	12C12.25	Bùi Thiện	Minh	16/01/2005	Nam	11B03.22	
26	12C12.26	Phạm Ngọc Anh	Minh	12/08/2005	Nữ	11B02.22	
27	12C12.27	Vũ Ngọc Kim	Ngân	27/01/2005	Nữ	11B14.22	
28	12C12.28	Bùi Quang	Nguyên	19/07/2005	Nam	11B03.26	
29	12C12.29	Phạm Ngọc	Nguyên	30/03/2005	Nam	11B04.25	
30	12C12.30	Phan Trọng	Nguyên	30/10/2005	Nam	11B12.25	
31	12C12.31	Ngô Nguyễn Thành	Nhân	01/05/2005	Nam	11B13.26	
32	12C12.32	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	29/04/2005	Nữ	11B13.28	
33	12C12.33	Nguyễn Yên	Như	03/02/2005	Nữ	11B15.28	
34	12C12.34	Lê Trọng	Phát	04/09/2005	Nam	11B11.30	
35	12C12.35	Nguyễn Trần Đức	Phát	20/10/2005	Nam	11B13.29	
36	12C12.36	Phan Công	Phát	22/05/2005	Nam	11B15.29	
37	12C12.37	Nguyễn Gia	Phúc	16/07/2005	Nam	11B12.29	
38	12C12.38	Võ Hoàng	Phúc	03/08/2005	Nam	11B03.32	
39	12C12.39	Nguyễn Khánh Đông	Quân	25/11/2005	Nam	11B13.31	
40	12C12.40	Trần Hồ Thiên	Quốc	14/11/2005	Nam	11B13.32	
41	12C12.41	Huỳnh Tiên	Son	24/12/2005	Nam	11B15.47	
42	12C12.42	Nguyễn Thành	Tài	29/09/2005	Nam	11B03.37	
43	12C12.43	Nguyễn Duy	Tấn	28/02/2005	Nam	11B09.32	
44	12C12.44	Phạm Đức	Thắng	16/08/2005	Nam	11B13.34	
45	12C12.45	Đỗ Thị Thu	Thảo	04/09/2005	Nữ	11B09.34	
46	12C12.46	Cao Trường	Thịnh	17/08/2005	Nam	11B09.35	
47	12C12.47	Nguyễn Thị Hoài	Thương	04/02/2005	Nữ	11B11.38	
48	12C12.48	Nguyễn Vân	Tôn	13/09/2005	Nam	11B11.40	
49	12C12.49	Lê Thùy	Trang	09/09/2005	Nữ	11B09.41	
50	12C12.50	Trần Việt	Trường	12/12/2005	Nam	11B08.44	
51	12C12.51	Bùi Cao Đức	Tỷ	20/09/2005	Nam	11B13.43	
52	12C12.52	Trần Quang	Vinh	25/11/2005	Nam	11B04.42	
53	12C12.53	Nguyễn Hùng	Vương	20/09/2005	Nam	11B10.44	

53 Danh sách có: 53 học sinh

Người lập danh sách

14 Nữ Ngày 15 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Trần Huỳnh Tấn Tài

Lương Văn Định

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12C13

STT	Mã số	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Lớp cũ	Ghi chú
1	12C13.01	Chu Kiều Anh	28/02/2005	Nữ	11B09.02	
2	12C13.02	Lê Vũ Ngọc Anh	16/09/2005	Nữ	11B08.02	
3	12C13.03	Nguyễn Thụy Tú Anh	28/02/2005	Nữ	11B06.03	
4	12C13.04	Dương Thanh Bình	10/05/2005	Nam	11B02.06	
5	12C13.05	Nguyễn Đình Giảng Châu	23/11/2005	Nữ	11B02.08	
6	12C13.06	Nguyễn Phúc Minh Châu	10/12/2005	Nữ	11B02.09	
7	12C13.07	Lê Thùy Dương	27/01/2005	Nữ	11B02.11	
8	12C13.08	Cao Nhật Duy	13/05/2005	Nam	11B09.09	
9	12C13.09	Trương Kỳ Duyên	19/01/2005	Nữ	11B02.12	
10	12C13.10	Vũ Minh Đạt	17/09/2005	Nam	11B09.10	
11	12C13.11	Đỗ Trà Bảo Hân	01/12/2005	Nữ	11B04.08	
12	12C13.12	Lê Thị Tuyết Hân	07/05/2005	Nữ	11B06.10	
13	12C13.13	Trần Hoàng Bảo Hân	13/01/2005	Nữ	11B09.12	
14	12C13.14	Nguyễn Nhật Hoa	09/09/2005	Nữ	11B02.14	
15	12C13.15	Nguyễn Võ Phi Hùng	04/10/2005	Nam	11B01.15	
16	12C13.16	Nguyễn Phương Khanh	01/08/2005	Nữ	11B07.18	
17	12C13.17	Hoàng Lê Thanh Kim	18/05/2005	Nữ	11B02.21	
18	12C13.18	Phan Khánh Linh	20/07/2005	Nữ	11B01.22	
19	12C13.19	Vũ Thị Ngọc Mai	11/12/2005	Nữ	11B01.23	
20	12C13.20	Lê Nguyễn Phan Nam	28/01/2005	Nam	11B13.22	
21	12C13.21	Phùng Trung Nghĩa	04/12/2005	Nam	11B07.27	
22	12C13.22	Nguyễn Võ Thiện Nhân	11/09/2005	Nam	11B14.25	
23	12C13.23	Ngô Uyên Nhi	19/09/2005	Nữ	11B09.27	
24	12C13.24	Trần Quỳnh Như	30/03/2005	Nữ	11B04.28	
25	12C13.25	Thân Đức Phát	14/01/2005	Nam	11B02.30	
26	12C13.26	Đỗ Ngọc Mỹ Phụng	03/11/2005	Nữ	11B03.33	
27	12C13.27	Bùi Đình Quang	03/06/2005	Nam	11B06.33	
28	12C13.28	Nguyễn Ngọc Bảo Quyên	08/03/2005	Nữ	11B02.31	
29	12C13.29	Đặng Thị Diễm Quỳnh	02/04/2005	Nữ	11B01.32	
30	12C13.30	Nguyễn Hoàng Sơn	10/10/2005	Nam	11B02.32	
31	12C13.31	Nguyễn Thị Hiếu Thảo	08/04/2005	Nữ	11B02.33	
32	12C13.32	Phạm Thị Thu Thảo	20/10/2005	Nữ	11B02.34	
33	12C13.33	Nguyễn Thị Minh Thư	25/12/2005	Nữ	11B01.38	
34	12C13.34	Vũ Thị Hoài Thư	29/03/2005	Nữ	11B07.40	
35	12C13.35	Nguyễn Huỳnh Thanh Thúy	01/01/2005	Nữ	11B02.38	
36	12C13.36	Phan Ngọc Phương Thy	15/10/2005	Nữ	11B06.40	
37	12C13.37	Trần Thế Tiên	30/09/2005	Nam	11B06.41	
38	12C13.38	Nguyễn Thanh Trâm	15/02/2005	Nữ	11B14.40	
39	12C13.39	Phạm Thùy Trang	08/08/2005	Nữ	11B02.41	
40	12C13.40	Nguyễn Minh Trí	30/11/2005	Nam	11B07.43	
41	12C13.41	Phạm Văn Trường	13/10/2005	Nam	11B07.44	
42	12C13.42	Trịnh Trí Trường	14/05/2005	Nam	11B02.44	
43	12C13.43	Nguyễn Ngọc Anh Tuấn	04/10/2005	Nam	11B14.43	
44	12C13.44	Nguyễn Quang Vinh	24/12/2005	Nam	11B02.46	
45	12C13.45	Ma Nguyên Vũ	21/09/2005	Nam	11B13.44	
46	12C13.46	Mai Võ Yên Vy	22/03/2005	Nữ	11B07.47	
47	12C13.47	Phan Nguyễn Như Ý	28/01/2005	Nữ	11B13.46	
48	12C13.48					
49	12C13.49					
50	12C13.50					

47 Danh sách có: 47 học sinh
Người lập danh sách

30 Nữ Ngày 15 tháng 8 năm 2022
HIỆU TRƯỞNG

Trần Huỳnh Tấn Tài

Lương Văn Định

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12C14

STT	Mã số	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Lớp cũ	Ghi chú
1	12C14.01	Đoàn Trần Cao	Anh	13/06/2005	Nam	11B05.02
2	12C14.02	Nguyễn Mỹ	Anh	16/11/2005	Nữ	11B13.02
3	12C14.03	Phạm Quốc	Anh	18/07/2005	Nam	11B08.03
4	12C14.04	Trương Thị Quỳnh	Anh	10/08/2005	Nữ	11B13.03
5	12C14.05	Trịnh Thái	Bảo	12/07/2005	Nam	11B11.04
6	12C14.06	Lê Thị Thanh	Chân	16/04/2005	Nữ	11B02.07
7	12C14.07	Lê Trần Trung	Dũng	20/03/2005	Nam	11B11.07
8	12C14.08	Bùi Lê Ngọc	Hân	19/06/2005	Nữ	11B15.11
9	12C14.09	Đỗ Minh	Hiếu	13/10/2005	Nam	11B05.11
10	12C14.10	Lê Minh	Hoài	03/04/2005	Nữ	11B11.12
11	12C14.11	Đào Quang	Hưng	11/10/2005	Nam	11B08.12
12	12C14.12	Trần Thị Quỳnh	Hương	02/08/2005	Nữ	11B01.16
13	12C14.13	Nguyễn Trần Nhật	Huy	19/03/2005	Nam	11B11.13
14	12C14.14	Trần Gia	Huy	23/05/2005	Nam	11B14.12
15	12C14.15	Nguyễn Lê Minh	Huyền	16/02/2005	Nữ	11B11.14
16	12C14.16	Võ Lê	Khoa	25/04/2005	Nam	11B14.15
17	12C14.17	Đồng Lê Thiên	Kim	04/11/2005	Nữ	11B01.21
18	12C14.18	Lê Thị Kim	Linh	19/04/2005	Nữ	11B15.18
19	12C14.19	Nghiêm Thị Ngọc	Linh	17/12/2005	Nữ	11B05.20
20	12C14.20	Nguyễn Ngọc	Linh	02/04/2005	Nữ	11B09.19
21	12C14.21	Nguyễn Thị Khánh	Linh	21/06/2005	Nữ	11B08.18
22	12C14.22	Đặng Lê Bích	Mai	24/10/2005	Nữ	11B11.20
23	12C14.23	Bùi Ngọc Thảo	My	25/06/2005	Nữ	11B15.22
24	12C14.24	Nguyễn Đức Thành	Nam	10/06/2005	Nam	11B14.21
25	12C14.25	Vũ Ngọc Hằng	Nga	26/01/2005	Nữ	11B07.26
26	12C14.26	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	01/09/2005	Nữ	11B11.24
27	12C14.27	Đặng Lê Minh	Ngọc	13/06/2005	Nữ	11B08.24
28	12C14.28	Lữ Ngọc	Nhi	06/09/2005	Nữ	11B08.26
29	12C14.29	Lê Hạo	Nhiên	17/03/2005	Nam	11B05.29
30	12C14.30	Lê Thị Hồng	Nhung	01/10/2005	Nữ	11B05.30
31	12C14.31	Trần Hồng	Phát	15/01/2005	Nam	11B03.30
32	12C14.32	Trần Thị Thu	Phương	27/03/2005	Nữ	11B14.30
33	12C14.33	Lê Xuân	Thành	30/04/2005	Nam	11B05.33
34	12C14.34	Nguyễn Thanh	Thảo	28/07/2005	Nữ	11B01.35
35	12C14.35	Nguyễn Thị Phương	Thảo	31/08/2005	Nữ	11B14.35
36	12C14.36	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	15/04/2004	Nữ	11B05.34
37	12C14.37	Lê Ngọc Minh	Thư	12/08/2005	Nữ	11B11.36
38	12C14.38	Nguyễn Vũ Anh	Thy	14/12/2005	Nữ	11B10.36
39	12C14.39	Huỳnh Thị Ngọc	Tiên	14/07/2005	Nữ	11B08.39
40	12C14.40	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	08/08/2005	Nữ	11B11.39
41	12C14.41	Nguyễn Trần Mạnh	Tiến	10/08/2005	Nam	11B14.38
42	12C14.42	Hồ Trúc Quỳnh	Trâm	14/02/2005	Nữ	11B02.39
43	12C14.43	Phạm Nguyễn Thùy	Trang	18/02/2005	Nữ	11B14.41
44	12C14.44	Tô Như	Trang	17/02/2005	Nữ	11B03.42
45	12C14.45	Hoàng Thanh	Trúc	06/02/2005	Nữ	11B15.41
46	12C14.46	Đỗ	Uy	29/11/2005	Nam	11B14.45
47	12C14.47	Lê Văn	Vũ	05/12/2005	Nam	11B12.43
48	12C14.48	Đặng Hoàng Trúc	Vy	09/01/2005	Nữ	11B03.45
49	12C14.49	Nguyễn Ngọc Như	Ý	23/09/2005	Nữ	11B09.47
50	12C14.50					

49 Danh sách có: 49 học sinh
Người lập danh sách

33 nữ Ngày 15 tháng 8 năm 2022
HIỆU TRƯỞNG

Trần Huỳnh Tấn Tài

Lương Văn Định

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12C15

STT	Mã số	Họ và Tên	Tên	Ngày sinh	Phái	Lớp cũ	Ghi chú
1	12C15.01	Phạm Phương	An	22/10/2005	Nữ	11B07.01	
2	12C15.02	Trần Nguyễn Nhật	An	17/09/2005	Nam	11B08.01	
3	12C15.03	Trần Vũ Ngọc	Ánh	17/03/2005	Nữ	11B03.04	
4	12C15.04	Nguyễn Thanh	Dũng	01/05/2005	Nam	11B13.05	
5	12C15.05	Phạm Văn	Đồng	24/06/2005	Nam	11B15.10	
6	12C15.06	Hứa Thị Ngọc	Giàu	27/05/2005	Nữ	11B08.09	
7	12C15.07	Lê Thị Vân	Hà	21/03/2005	Nữ	11B07.11	
8	12C15.08	Bùi Thị Ngọc	Hạnh	01/03/2005	Nữ	11B11.11	
9	12C15.09	Trần Thị Bé	Hậu	01/07/2004	Nữ	11B15.12	
10	12C15.10	Vũ Ngọc Quỳnh	Hương	11/06/2005	Nữ	11B15.14	
11	12C15.11	Lê Trương Quốc	Huy	25/10/2005	Nam	11B02.17	
12	12C15.12	Nguyễn	Huy	22/07/2005	Nam	11B07.16	
13	12C15.13	Phạm Quốc	Huy	21/11/2005	Nam	11B02.18	
14	12C15.14	Lê Thị Thanh	Huyền	27/07/2005	Nữ	11B09.16	
15	12C15.15	Lưu Thị Thanh	Huyền	25/09/2005	Nữ	11B01.18	
16	12C15.16	Nguyễn Minh	Khôi	14/09/2005	Nam	11B15.16	
17	12C15.17	Đỗ Nguyễn Đan	Linh	29/06/2005	Nữ	11B10.17	
18	12C15.18	Trần Kha	Linh	07/11/2005	Nữ	11B11.18	
19	12C15.19	Vương Thị Trà	Mi	05/08/2005	Nữ	11B15.21	
20	12C15.20	Chu Đức	Minh	26/09/2005	Nam	11B04.20	
21	12C15.21	Võ Thiện	Mỹ	29/04/2005	Nam	11B11.23	
22	12C15.22	Đặng Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	13/09/2005	Nữ	11B08.23	
23	12C15.23	Dương Đỗ Gia	Nghi	20/01/2005	Nữ	11B13.24	
24	12C15.24	Nguyễn Ngọc Thái	Nguyên	23/08/2005	Nữ	11B09.26	
25	12C15.25	Dương Thụy Yên	Nhi	05/10/2005	Nữ	11B03.27	
26	12C15.26	Lê Phương	Nhi	10/11/2005	Nữ	11B06.27	
27	12C15.27	Vũ Tuyết	Nhi	11/01/2005	Nữ	11B04.27	
28	12C15.28	Nguyễn Phan Tấn	Phước	24/12/2005	Nam	11B04.30	
29	12C15.29	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Phương	21/07/2005	Nữ	11B10.30	
30	12C15.30	Trần Hoàng Uyên	Phương	21/01/2005	Nữ	11B01.31	
31	12C15.31	Nguyễn Phạm Hồng	Phượng	26/01/2005	Nữ	11B15.31	
32	12C15.32	Trần Vũ Diễm	Quỳnh	04/09/2005	Nữ	11B09.31	
33	12C15.33	Lưu Trịnh Thanh	Thảo	19/05/2005	Nữ	CD01	Khánh Hòa
34	12C15.34	Trần Quốc Thanh	Thảo	16/09/2005	Nam	11B03.38	
35	12C15.35	Hồ Ngọc Minh	Thư	24/11/2005	Nữ	11B10.34	
36	12C15.36	Nguyễn Bùi Anh	Thư	22/10/2005	Nữ	11B13.36	
37	12C15.37	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	02/06/2005	Nữ	11B14.36	
38	12C15.38	Đặng Minh	Thương	13/12/2005	Nữ	11B10.35	
39	12C15.39	Nguyễn Thiệu Mỹ	Tiên	28/03/2005	Nữ	11B12.37	
40	12C15.40	Lê Đặng Thảo	Trâm	02/11/2005	Nữ	11B13.39	
41	12C15.41	Nguyễn Bích	Trân	28/06/2005	Nữ	11B06.42	
42	12C15.42	Ngô Thuý	Trang	25/05/2005	Nữ	11B10.39	
43	12C15.43	Trần Thị Kiều	Trang	26/08/2005	Nữ	11B01.41	
44	12C15.44	Phạm Nguyễn Phước	Trình	06/02/2005	Nam	11B12.40	
45	12C15.45	Huỳnh Anh	Tuấn	24/04/2005	Nam	11B11.43	
46	12C15.46	Trịnh Nguyễn Thanh	Tùng	10/07/2005	Nam	11B04.40	
47	12C15.47	Đào Thị Ánh	Tuyết	11/06/2005	Nữ	11B10.42	
48	12C15.48	Lý Thị Thúy	Vy	24/11/2005	Nữ	11B03.46	
49	12C15.49	Trần Ngọc Kiều	Vy	28/08/2005	Nữ	11B02.47	
50	12C15.50	Lê Hồng Như	Ý	27/11/2005	Nữ	11B08.47	
51	12C15.51	Nguyễn Ngọc Như	Ý	26/12/2005	Nữ	11B11.48	

51 Danh sách có: 51 học sinh

Người lập danh sách

37 nữ Ngày 15 tháng 8 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Trần Huỳnh Tấn Tài

Lương Văn Định